

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10**

MST: 0 3 1 3 5 9 9 3 7

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. THÔNG TIN CHUNG	1 - 2
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 3
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 4
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	5 - 8
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9 - 9
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29

THÔNG TIN CHUNG

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 10 ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/03/2015. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 7 năm 2023 là 30.000.000.000 VND.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có các lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VND)
Điều chỉnh lần thứ nhất	0313159937	02/04/2018	15.000.000.000
Điều chỉnh lần thứ hai	0313159937	05/04/2022	15.000.000.000
Điều chỉnh lần thứ ba	0313159937	07/07/2023	30.000.000.000

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND. Tổng số cổ phần 3.000.000.

Hoạt động kinh doanh chính:

Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Dịch vụ điều tiết giao thông phục vụ thi công các công trình vượt sông và các công trình đường thủy nội địa; Quản lý khai thác, đảm bảo giao thông cầu phao, bến phà; Hoạt động cứu hộ đường sông, nạo vét luồng lạch, thanh thải vật chướng ngại, hoa tiêu đường thủy nội địa; đóng tàu và cấu kiện nổi; Xây dựng, nâng cấp, cải tạo công trình giao thông đường thủy: âu, kè; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường thủy, kho bãi....

Chi nhánh trực thuộc Công ty:

- ▶ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Bình Đức**
Địa chỉ: Số 377, Ấp 5, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
- ▶ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Phước Đông**
Địa chỉ: Số 70, Ấp 7, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
- ▶ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Đức Huệ**
Địa chỉ: Số 1A, Khu phố 1, Tỉnh lộ 822, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An
- ▶ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Phú Cường**
Địa chỉ: Số 526, Đường Huỳnh Văn Cù, Phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- ▶ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Biên Hoà**
Địa chỉ: Số 148/1/8, đường Châu Văn Lồng, KP Bình Dương, Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- ▶ **Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Trị An**
Địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
- ▶ **Công Ty Cổ phần Quản lý bảo trì Đường thủy nội địa số 10 – Chi nhánh tại miền Bắc**
Địa chỉ: Xóm 12, xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thông tin chung (tiếp theo)

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Số 187 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 38720567

Fax : 028 38720568

Mã số thuế : 031359937

CHỦ TỊCH, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm	Ghi chú
Hội đồng quản trị:				
Ông Nguyễn Thuận Phương	Chủ tịch	31/03/2022	-	Nhiệm kỳ 2022 - 2027
Ông Đỗ Ngọc Tú	Thành viên	31/03/2022	20/04/2024	
Ông Nguyễn Mạnh Trường	Thành viên	31/03/2022	-	Nhiệm kỳ 2022 - 2027
Ông Lê Ngọc Châu	Thành viên	31/03/2022	-	Nhiệm kỳ 2022 - 2027

Ban Kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Nhiều	Trưởng ban	31/03/2022	-	Nhiệm kỳ 2022 - 2027
Ông Đỗ Hoàng Giang	Thành viên	20/09/2022	-	Nhiệm kỳ 2022 - 2027
Ông Nguyễn Khắc Vũ	Thành viên	20/09/2022	-	Nhiệm kỳ 2022 - 2027

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm	Ghi chú
Ông Nguyễn Mạnh Trường	Tổng Giám đốc	31/03/2022	-	
Ông Đỗ Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	19/05/2022	-	
Ông Nguyễn Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc	19/05/2022	28/02/2024	
Ông Lê Ngọc Châu	Phó Tổng Giám đốc	19/05/2022	-	
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan	Kế toán trưởng	14/09/2022	-	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC - chi nhánh Đệ Nhất là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Trường

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Số: 15 /2025/BCTC-FAC.VT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỖ NỘI ĐỊA SỐ 10

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa số 10 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2025, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thuỷ Nội địa số 10 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

CHI NHÁNH ĐỆ NHẤT



Nguyễn Quang Thông - Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 3916-2022-099-1

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 18 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thành Đại - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 5456-2023-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.341.576.424	57.634.560.061
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.009.390.011	10.073.206.614
1. Tiền	111		5.009.390.011	73.206.614
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.700.000.000	3.900.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	3.700.000.000	3.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.757.086.586	41.550.471.638
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	6	35.969.633.785	43.909.084.086
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	261.558.245	38.484.064
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	23.000.000.000	5.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	687.459.139	1.216.607.631
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(10.161.564.583)	(8.613.704.143)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.827.768.259	1.766.743.549
1. Hàng tồn kho	141	11	2.827.768.259	1.766.743.549
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.331.568	344.138.260
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	47.331.568	344.138.260
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.082.250.101	10.991.769.473
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	262.745.728
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	10	-	262.745.728
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.961.455.687	7.561.290.017
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.078.880.180	6.648.519.642
Nguyên giá	222		24.485.148.468	23.159.547.448
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.406.268.288)	(16.511.027.806)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	882.575.507	912.770.375
Nguyên giá	228		1.177.600.000	1.177.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(295.024.493)	(264.829.625)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		95.816.817	3.080.781.464
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	95.816.817	3.080.781.464
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		24.977.597	86.952.264
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	24.977.597	86.952.264
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.423.826.525	68.626.329.534

Số 187 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		23.841.933.898	24.681.027.952
I. Nợ ngắn hạn	310		23.841.933.898	24.681.027.952
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	5.412.663.938	9.764.661.960
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	1.095.819.223	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	3.730.106.697	3.177.620.135
4. Phải trả người lao động	314		8.643.159.036	9.751.498.866
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.024.779.243	1.450.600.709
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	2.732.728.153	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	1.202.677.608	536.646.282
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

Số 187 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.581.892.627	43.945.301.582
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	46.581.892.627	43.945.301.582
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.390.000	1.390.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.413.807.404	7.036.525.480
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.166.695.223	6.907.386.102
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.072.852	17.072.852
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.149.622.371	6.890.313.250
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.423.826.525	68.626.329.534

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025



Đào Thị Thanh
Người lập



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Trường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23.1	69.145.014.682	72.494.573.527
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23.1	69.145.014.682	72.494.573.527
4. Giá vốn hàng bán	11	24	42.001.116.850	50.060.025.796
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.143.897.832	22.434.547.731
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23.2	848.107.611	923.288.694
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	17.111.944.287	14.870.227.887
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.880.061.156	8.487.608.538
11. Thu nhập khác	31	26	-	428.849.107
12. Chi phí khác	32	26	609.937.915	241.505.757
13. Lợi nhuận khác	40		(609.937.915)	187.343.350
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.270.123.241	8.674.951.888
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	2.120.500.870	1.784.638.638
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.149.622.371	6.890.313.250
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.717	2.355

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025


Đào Thị Thanh
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán trưởngNguyễn Mạnh Trường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.270.123.241	8.674.951.888
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	12	1.231.868.169	1.260.479.185
- Các khoản dự phòng	03	6	4.280.588.593	738.955.038
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23.2	(410.373.302)	(923.288.694)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.372.206.701	9.751.097.417
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.357.751.437	5.715.356.888
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.061.024.710)	(448.932.298)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.653.058.264)	(4.420.100.763)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		358.781.359	143.999.060
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(1.512.846.139)	(973.445.399)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	21	(23.000.000)	(57.498.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.838.810.384	9.710.476.905
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	12	(1.277.253.501)	(2.671.884.007)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(36.000.000.000)	(15.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18.200.000.000	7.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		998.626.514	693.802.393
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.078.626.987)	(10.878.081.614)

Số 187 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây

Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn chủ sở hữu	31	14.1	-	15.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	500.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(500.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	14.1	(4.824.000.000)	(5.379.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.824.000.000)	9.621.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.063.816.603)	8.453.395.291
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	10.073.206.614	1.619.811.323
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	5.009.390.011	10.073.206.614



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Đào Thị Thanh
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Trường
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 10 ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/03/2015. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 7 năm 2023 là 30.000.000.000 VND.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND. Tổng số cổ phần 30.000.000.

Hoạt động chính được đăng ký theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp:

Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Dịch vụ điều tiết giao thông phục vụ thi công các công trình vượt sông và các công trình đường thủy nội địa; Quản lý khai thác, đảm bảo giao thông cầu phao, bến phà; Hoạt động cứu hộ đường sông, nạo vét luồng lạch, thanh thải vật chướng ngại, hoa tiêu đường thủy nội địa; đóng tàu và cấu kiện nổi; Xây dựng, nâng cấp, cải tạo công trình giao thông đường thủy: âu, kè; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường thủy, kho bãi....

1.2 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được số liệu năm nay.

1.4 Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 141 người, ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 142 người.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo Tài chính.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 06 năm

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

3.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chi cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Quỹ Đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty. Quỹ này còn được sử dụng để bổ sung vốn (điều lệ) theo quyết định của chủ sở hữu.

- Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán, cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3.11 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

3.12 Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành áp dụng cho Công ty như sau: Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	36.897.459	5.663.452
Tiền gửi ngân hàng	4.972.492.552	67.543.162
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	5.009.390.011	10.073.206.614

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng, hưởng lãi suất từ 2,90% một năm. Tại ngày đầu năm và cuối năm, các khoản tiền gửi này được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản bảo lãnh.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-	199.355.958	-
- Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 14	-	-	199.355.958	-
Phải thu khách hàng khác	35.969.633.785	10.161.564.583	43.709.728.128	8.613.704.143
- Cục đường thủy nội địa Việt Nam	18.302.466.269	-	27.873.616.221	-
- Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 2	2.988.941.104	2.988.941.104	2.988.941.104	2.988.941.104
- Công ty Cổ phần Đầu tư cầu Mỹ Lợi	1.531.237.600	1.531.237.600	1.531.237.600	1.531.237.600
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Bắc Trung Nam	2.040.208.686	-	1.157.778.241	-
- Ban quản lý dự án Xây dựng Công trình Giao thông Cà Mau	2.614.510.979	-	1.415.195.325	-
- Các khách hàng khác	8.492.269.147	5.641.385.879	8.742.959.637	4.093.525.439
TỔNG CỘNG	35.969.633.785	10.161.564.583	43.909.084.086	8.613.704.143

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số đã trích lập dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số đã trích lập dự phòng</i>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	261.558.245	-	38.484.064	-
- Công ty TNHH Xây dựng cầu đường Khang Điền	210.600.000	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	50.958.245	-	38.484.064	-
TỔNG CỘNG	261.558.245	-	38.484.064	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. NỢ XẤU

Nợ xấu của Công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại của khách hàng đã quá hạn thanh toán và đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 2	2.988.941.104	-	2.988.941.104	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư cầu Mỹ Lợi	1.531.237.600	-	1.531.237.600	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần quản lý đường sông số 2 tại phía Nam	1.642.656.696	239.350.215	1.642.656.696	385.583.691
- Công ty CPĐT Địa ốc Đại Quang Minh	2.145.098.199	643.529.460		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4	-	-	229.626.490	68.887.947
- Công ty TNHH MTV 319.2	980.369.000	-	980.369.000	-
- Công ty TNHH MTV 508	829.090.000	-	829.090.000	-
- Các khách hàng khác	1.307.579.760	380.528.101	1.185.986.224	319.731.333
TỔNG CỘNG	11.424.972.359	1.263.407.776	9.387.907.114	774.202.971

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Số tiền cho vay trong năm	Số tiền cho vay đã thu hồi	Số cuối năm
	Bên liên quan	5.000.000.000	35.000.000.000	17.000.000.000
- Bà Bùi Thị Thu Phượng	5.000.000.000	35.000.000.000	17.000.000.000	23.000.000.000
Bên khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	5.000.000.000	35.000.000.000	17.000.000.000	23.000.000.000

Chi tiết các khoản cho vay như sau:

Các khoản cho bà Bùi Thị Thu Phượng vay nếu hết thời hạn vay mà bên cho vay chưa có nhu cầu lấy lại tiền gốc, thì hợp đồng sẽ được chuyển sang kỳ hạn mới bằng với kỳ hạn cũ và áp dụng lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu - Côn Đảo tại cùng thời điểm hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữ 02 bên tại thời điểm đáo hạn, chi tiết các khoản cho vay tại ngày 31/12/2024 như sau:

Thông tin hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền vay (VND)
Hợp đồng vay vốn số 02.03/HĐVV-CT10 ngày 05/02/2024	1 tháng	2,1%/năm	13.000.000.000
Hợp đồng vay vốn số 04.01/HĐVV-CT10 ngày 01/04/2024	1 tháng	2,1%/năm	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<u>Ngắn hạn</u>		
Phải thu khác từ các bên liên quan	-	-
Phải thu khác	687.459.139	1.216.607.631
- Ký quỹ	235.517.434	-
- Tạm ứng	181.665.147	634.113.302
- Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	78.967.398	229.486.301
- Thuế TNCN phải thu người lao động	132.551.251	195.071.248
- Thuế GTGT chưa kê khai	5.936.820	68.384.682
- Phải thu khác	52.821.089	89.552.098
TỔNG CỘNG	687.459.139	1.216.607.631
<u>Dài hạn</u>		
- Ký quỹ	-	262.745.728
TỔNG CỘNG	-	262.745.728

11. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công cụ, dụng cụ	50.174.000	-	307.030.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.777.594.259	-	1.459.713.549	-
TỔNG CỘNG	2.827.768.259	-	1.766.743.549	-

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị dụng cụ, quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.058.085.600	639.698.685	16.911.944.981	549.818.182	23.159.547.448
Mua sắm mới	-	-	3.017.504.512	52.263.636	3.069.768.148
Thanh lý/ phá dỡ	(1.463.318.534)	(280.848.594)	-	-	(1.744.167.128)
Số cuối năm	3.594.767.066	358.850.091	19.929.449.493	602.081.818	24.485.148.468
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	3.417.113.609	543.852.415	12.033.491.099	516.570.683	16.511.027.806
Trích khấu hao	128.695.947	11.022.996	1.005.286.752	56.667.606	1.201.673.301
Thanh lý/ phá dỡ	(1.025.584.225)	(280.848.594)	-	-	(1.306.432.819)
Số cuối năm	2.520.225.331	274.026.817	13.038.777.851	573.238.289	16.406.268.288
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.640.971.991	95.846.270	4.878.453.882	33.247.499	6.648.519.642
Số cuối năm	1.074.541.735	84.823.274	6.890.671.642	28.843.529	8.078.880.180

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUYỀN NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.165.859.922 VND.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Do vướng mắc về thủ tục hành chính nên bên bán không thể sang tên trực tiếp cho Công ty. Để đảm bảo chủ quyền lô đất, Công ty đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc - ông Nguyễn Mạnh Trường thực hiện thủ tục chuyển nhượng khu đất tại ấp 4, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh tại văn bản số 47/Ttr-HĐQT ngày 17/8/2022 của Hội đồng quản trị, và đã được thông qua tại nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 20/9/2022.

Theo đó, HĐQT đề nghị:

- Cho cá nhân Tổng Giám đốc thực hiện việc chuyển nhượng với bên bán và đứng tên khu đất tại địa chỉ ấp 4, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.
- Tổng Giám đốc có trách nhiệm đại diện Công ty quản lý sở hữu lô đất.

Khu đất tại địa chỉ trên thuộc thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16, có thời hạn sử dụng đến 25/9/2053. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV210104, hiện mang tên ông Nguyễn Mạnh Trường.

Hiện tại, Công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển đổi quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Mạnh Trường sang cho Công ty.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	1.177.600.000	264.829.625	912.770.375
Trích khấu hao	-	30.194.868	-
Số cuối năm	<u>1.177.600.000</u>	<u>295.024.493</u>	<u>882.575.507</u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tàu đặt cầu (mua sắm)	-	2.984.964.647
XDCB khác	95.816.817	95.816.817
TỔNG CỘNG	<u>95.816.817</u>	<u>3.080.781.464</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<u>Ngắn hạn</u>		
- Công cụ, dụng cụ	1.284.451	56.054.551
- Chi phí nhiên liệu, vật tư tại các trạm	46.047.117	288.083.709
TỔNG CỘNG	<u>47.331.568</u>	<u>344.138.260</u>
<u>Dài hạn</u>		
- Công cụ, dụng cụ	24.977.597	86.952.264
TỔNG CỘNG	<u>24.977.597</u>	<u>86.952.264</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả các bên liên quan	1.098.356.545	1.098.356.545	1.654.722.543	1.654.722.543
- Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 14	829.179.090	829.179.090	811.424.740	811.424.740
- Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 5	188.208.850	188.208.850	-	-
- Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 11	80.968.605	80.968.605	843.297.803	843.297.803
Phải trả người bán khác	4.314.307.393	4.314.307.393	8.109.939.417	8.109.939.417
- Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	1.869.030.000	1.869.030.000	2.840.630.000	2.840.630.000
- Công ty TNHH Phạm Hữu Bằng	-	-	948.151.080	948.151.080
- Công ty TNHH Điều tiết Giao thông thủy	821.781.818	821.781.818	-	-
- Công ty TNHH xăng dầu Tân Hưng Phát	224.144.600	224.144.600	-	-
- Các nhà cung cấp khác	1.399.350.975	1.399.350.975	4.321.158.337	4.321.158.337
TỔNG CỘNG	5.412.663.938	5.412.663.938	9.764.661.960	9.764.661.960

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Người mua trả tiền trước khác	1.095.819.223	1.095.819.223	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	954.819.223	954.819.223	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	90.000.000	90.000.000	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư BOT Bình Lợi	51.000.000	51.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	1.095.819.223	1.095.819.223	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu (*)	Phải nộp (*)	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu (*)	Phải nộp (*)
Thuế GTGT	-	1.441.076.622	5.543.631.573	5.529.583.263	-	1.455.124.932
Thuế TNDN	-	1.480.810.638	2.120.500.870	1.512.846.139	-	2.088.465.369
Thuế TNCN	-	178.488.481	626.776.355	618.748.440	-	186.516.396
Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	-	77.244.394	40.541.154	117.785.548	-	-
Phí, lệ phí và các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Cộng	-	3.177.620.135	8.341.449.952	7.788.963.390	-	3.730.106.697

(*) Phải thu (thuế nộp thừa) được trình bày trên chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

Phải nộp (thuế còn phải nộp) được trình bày trên chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước".

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số 3.12 và thuyết minh số 28.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất phải nộp ghi nhận theo thông báo của Chi cục thuế khu vực Quận 7 - Huyện Nhà Bè về tiền thuê đất, thuê mặt nước (theo hình thức trả tiền hàng năm), chi tiết:

Đơn vị tính: VND			
Số thông báo	Hợp đồng thuê đất	Diện tích	Số tiền
- 4371/TB-CCTKVQ7NB ngày 15/03/2024	13366/HĐ-STNMT-QLĐ ngày 25/12/2017	242m ²	104.061.936
Cộng			104.061.936

Công ty không nhận được thông báo tiền thuê đất phải nộp cho diện tích 250,4m² thuê theo 13366/HĐ-STNMT-QLĐ ngày 25/12/2017 từ cơ quan thuế, nên đã trích lập dự phòng năm 2024 theo mức tiền thuê đất phải nộp cho diện tích này năm 2023 (xem thuyết minh số 20).

Đồng thời, trong năm 2024 Công ty nhận được các quyết định về việc giảm tiền thuê đất như sau:

Đơn vị tính: VND			
Số quyết định	Hợp đồng thuê đất	Diện tích	Số tiền
- Quyết định 2171/QĐ-CTTPHCM ngày 10/5/2024	13366/HĐ-STNMT-QLĐ ngày 25/12/2017	492,4m ²	(63.520.782)
- Quyết định 2956/QĐ-CTTPHCM ngày 17/06/2024	13366/HĐ-STNMT-QLĐ ngày 25/12/2017	492,4m ²	(77.565.217)
Cộng			(141.085.999)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do đó số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả các bên liên quan	920.000.000	288.500.000
- Thường và thù lao HĐQT, BKS, Ban Giám đốc	920.000.000	288.500.000
Phải trả khác	104.779.243	1.162.100.709
- Phải trả các cá nhân về chi phí nhân công, vật tư, dịch vụ thuê ngoài để duy trì hoạt động của các Chi nhánh	104.779.243	1.144.266.720
- Phải trả bảo hiểm (xã hội, y tế, thất nghiệp)	-	17.833.989
TỔNG CỘNG	1.024.779.243	1.450.600.709

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Dự phòng sửa chữa TSCĐ (*)	2.578.239.365	-
- Dự phòng phải trả tiền thuê đất diện tích 250,4 m2 năm 2024	154.488.788	-
TỔNG CỘNG	2.732.728.153	-

(*) Khoản dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật cho phương tiện đường thủy được thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 27/NQ-HĐQT ngày 31/12/2023. Số tiền trích lập 3.014.000.000 VND (số tiền đã hoàn nhập trong năm 435.760.635 VND), nhằm đảm bảo phương tiện hoạt động ổn định hết năm 2025.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	536.646.282	178.332.535
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	689.031.326	415.811.747
Chi quỹ	(23.000.000)	(57.498.000)
Số cuối năm	1.202.677.608	536.646.282

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (xem phụ lục 01).

22.1 Phân phối lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức phải trả cho các cổ đông (*)	4.824.000.000	1.939.500.000
Trích tăng quỹ đầu tư phát triển	1.377.281.924	415.811.748
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	689.031.326	415.811.747
TỔNG CỘNG	6.890.313.250	2.771.123.495

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Mạnh Trường	22.000.700.000	73,34	22.000.700.000	73,34
Bà Nguyễn Thị Trúc	2.524.000.000	8,41	2.524.000.000	8,41
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	637.000.000	2,12	637.000.000	2,12
Ông Đặng Văn Dũng	859.000.000	2,86	859.000.000	2,86
Các cổ đông khác	3.979.300.000	13,26	3.979.300.000	13,26
Cộng	30.000.000.000	100,00	30.000.000.000	99,99

22.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22.4 Cổ tức

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 20/04/2024, Đại hội cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức từ lợi nhuận của năm 2023 với tỷ lệ chia cổ tức/vốn cổ phần là 16,08% tương đương tỷ lệ thanh toán là 16,08%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 1.608 VND).

22.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.149.622.371	6.890.313.250
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.149.622.371	6.890.313.250
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(689.031.326)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	2.633.753
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	2.717	2.355

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được tính toán chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, sẽ được trình bày lại khi có nghị quyết về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 20/04/2024, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023 với số tiền 689.031.316 VND nên Công ty đã trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 đã công bố từ 2.616 VND thành 2.355 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

23. DOANH THU**23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	69.145.014.682	72.494.573.527
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	69.145.014.682	72.494.573.527
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	69.145.014.682	72.494.573.527
<i>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	520.582.407	184.588.850

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	848.107.611	923.288.694
TỔNG CỘNG	848.107.611	923.288.694

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	42.001.116.850	50.060.025.796
TỔNG CỘNG	42.001.116.850	50.060.025.796

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	10.197.179.539	10.796.840.896
Chi phí đồ dùng văn phòng	113.083.768	274.470.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	525.717.688	395.129.419
Thuế, phí và lệ phí	205.029.942	268.750.724
Chi phí dự phòng	4.126.099.805	738.955.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.824.300.377	2.213.673.793
Chi phí bằng tiền khác	120.533.168	182.407.835
TỔNG CỘNG	17.111.944.287	14.870.227.887

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	-	428.849.107
Thu hồi khoản nợ đã xoá nợ	-	258.086.145
Xử lý công nợ	-	124.300.000
Thu nhập khác	-	46.462.962
Cộng	-	428.849.107

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi phí khác	609.937.915	241.505.757
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	437.734.309	-
Khấu hao tài sản cố định	30.194.868	30.194.868
Chi phí phạt	20.035.340	99.084.167
Chi phí khác	121.973.398	112.226.722
Cộng	609.937.915	241.505.757
LỢI NHUẬN KHÁC	(609.937.915)	187.343.350

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.120.366.252	18.098.117.085
Chi phí nhân công	29.911.859.211	31.060.525.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định (thuyết minh số 12; 13)	1.231.868.169	1.260.479.185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.724.031.473	13.326.099.338
Chi phí dự phòng	4.126.099.805	738.955.038
Chi phí khác bằng tiền	346.911.805	1.136.515.380
TỔNG CỘNG	60.461.136.715	65.620.691.738

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
a) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.270.123.241	8.674.951.888
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
b) Các khoản điều chỉnh tăng	172.203.606	229.101.302
- Chi phí không được trừ	172.203.606	229.101.302
c) Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
d) Lợi tức chịu thuế ước tính trong năm (a+b)	10.442.326.847	8.904.053.190
- Thuế TNDN từ hoạt động SXKD theo thuế suất phổ thông 20%	2.088.465.369	1.780.810.638
- Thuế TNDN tăng do nộp tờ khai điều chỉnh 2022, 2023	32.035.501	-
- Thuế TNDN truy thu theo Quyết định QĐ 5125/QĐ-CT ngày 27/11/2023	-	3.828.000
e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.120.500.870	1.784.638.638

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Ông Nguyễn Mạnh Trường
 Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 11

Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 15

Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 14

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 886 - Thành Nam

Công ty Cổ phần Xây dựng và Bảo trì Công trình Giao thông 719

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Giao thông 73

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 5

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Lâm Đồng

Bà Bùi Thị Thu Phượng

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Mối quan hệ

Cổ đông, sở hữu 73,34% vốn điều lệ
 Ông Nguyễn Mạnh Trường - Chủ tịch HĐQT - Đại diện theo pháp luật, sở hữu 71,07% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Mạnh Trường - Chủ tịch HĐQT - đại diện pháp luật, sở hữu 26,89% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Mạnh Trường - Phó Giám đốc, sở hữu 64,01% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Mạnh Trường - Chủ tịch HĐQT - đại diện pháp luật, sở hữu 84,1% vốn điều lệ

Bà Bùi Thị Thu Phượng - Chủ tịch HĐQT - đại diện pháp luật.
 Ông Nguyễn Mạnh Trường - Phó Giám đốc, sở hữu 99,49% vốn điều lệ

Bà Bùi Thị Thu Phượng - Chủ tịch HĐQT, đại diện pháp luật
 Ông Nguyễn Mạnh Trường - Phó Giám đốc, sở hữu 95,97% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Mạnh Trường - Chủ tịch HĐQT - đại diện pháp luật, sở hữu 84% vốn điều lệ

Mối quan hệ

Bà Bùi Thị Thu Phượng - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc - đại diện pháp luật, sở hữu 32% vốn điều lệ

Bên liên quan khác

Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 5	Phải trả về cung cấp dịch vụ	389.911.142	-
	Trả tiền về cung cấp dịch vụ	201.702.292	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì Đường thủy nội địa số 11	Phải trả về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	1.012.107.567	1.088.297.803
	Trả tiền bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	1.774.436.765	752.490.954
	Cho vay	-	1.000.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	-	1.000.000.000
	Phải thu về bán hàng	577.118.500	-
	Thu tiền về bán hàng	577.118.500	-
	Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 14	Phải trả về mua hàng	925.516.230
Trả tiền về mua hàng		907.761.880	-
Phải thu về cung cấp dịch vụ		-	199.355.958
Thu tiền về cung cấp dịch vụ		199.355.958	-
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 15	Phải trả về cung cấp dịch vụ	514.494.187	-
	Trả tiền về cung cấp dịch vụ	514.494.187	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 886 - Thành Nam	Phải trả về mua hàng hoá	71.063.438	738.565.800
	Trả tiền về mua hàng hoá	71.063.438	2.304.232.800
Ông Nguyễn Mạnh Trường	Góp vốn trong năm	-	14.350.700.000
	Cổ tức đã trả	3.537.712.560	2.743.290.000
	Cổ tức phải trả	3.537.712.560	989.145.000
Bà Bùi Thị Thu Phượng	Cho vay	35.000.000.000	11.000.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	17.000.000.000	6.000.000.000
	Đi vay	-	500.000.000
	Trả tiền vay	-	500.000.000
	Thu tiền lãi vay	664.313.699	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thù lao, Lương, thưởng		
Ông Nguyễn Thuận Phương		494.172.800	352.650.467
Ông Nguyễn Mạnh Trường		721.620.280	477.928.000
Ông Đỗ Ngọc Tú		591.530.760	425.857.666
Ông Lê Ngọc Châu		521.715.200	364.040.867
Ông Nguyễn Trường Sơn		395.880.004	331.736.000
Ông Vũ Trung Tá		-	10.500.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan		451.866.640	295.884.000
Bà Nguyễn Thị Nhiều		-	86.000.000
Ông Đỗ Hoàng Giang		349.528.900	250.301.634
Ông Nguyễn Khắc Vũ		376.696.552	264.819.200

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

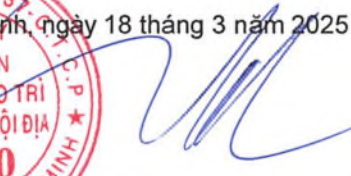
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì Đường thủy nội địa số 14	Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh số 6)	-	199.355.958
	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)	829.179.090	811.424.740
Bà Bùi Thị Thu Phương	Phải thu về cho vay (Thuyết minh số 9)	23.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì Đường thủy nội địa số 11	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)	80.968.605	843.297.803
Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 5	Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)	188.208.850	-

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025


Đào Thị Thanh
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Số 187 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**VỐN CHỦ SỞ HỮU****21. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	15.000.000.000	1.390.000	6.620.713.732	2.788.196.347	24.410.300.079
Góp vốn trong năm	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.890.313.250	6.890.313.250
Phân phối lợi nhuận	-	-	415.811.748	(2.771.123.495)	(2.355.311.747)
Số cuối năm	30.000.000.000	1.390.000	7.036.525.480	6.907.386.102	43.945.301.582
Năm nay					
Số đầu năm	30.000.000.000	1.390.000	7.036.525.480	6.907.386.102	43.945.301.582
Lãi trong năm nay	-	-	-	8.149.622.371	8.149.622.371
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.377.281.924	(6.890.313.250)	(5.513.031.326)
Số cuối năm	30.000.000.000	1.390.000	8.413.807.404	8.166.695.223	46.581.892.627

Đào Thị Thanh
Người lậpNguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Mạnh Trường
Tổng Giám đốc